

Bản án số: **415/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/9/2021

V/v: “Ly hôn với người bị
tuyên bố mất tích”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phi Hùng**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Mai**.
2/ Bà **Ngô Thị Yên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hoài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Chiêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 00/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 00 ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Xuân Q, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số nhà 39G2, tổ 11 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 11 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà Quý; Vắng mặt ông Thái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn- bà Dương Thị Xuân Quý trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Xuân Q và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2007 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà chung sống tại tổ 11 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì ông T đột ngột đi khỏi nhà mà không nói cho bà biết đi đâu, làm gì, gia đình bố mẹ đẻ anh T cũng không biết ông đi đâu, bố mẹ ông T cũng anh không biết thông tin gì trước khi ông T đi khỏi nhà. Bà Q cùng gia đình đã đi tìm nhưng không biết ông T ở đâu. Gia đình cũng đã báo với chính quyền địa phương và đăng báo đài tìm kiếm ông T nhiều năm qua nhưng vẫn không có bất cứ thông tin gì. Năm 2017 anh T đột nhiên trở về nhà, mượn sổ hộ khẩu gốc của gia đình để làm căn cước công dân. Ông T chỉ đi về chớp nhoáng và trả sổ hộ khẩu lại cho bà ngay trong một buổi rồi lại đi luôn mà không nói rõ tình hình, nơi ở hiện tại của anh cho bà được biết. Từ đó đến nay ông T không trở về nhà lần nào nữa, cũng không gọi điện liên lạc về cho bà cũng như liên lạc với gia đình. Hiện nay ông T còn sống hay đã chết gia đình không nắm được.

Sau khi ông T đi khỏi nhà, bà và cháu D đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở số nhà 39G2, tổ 11 thị trấn Đ sinh sống ổn định từ đó đến nay, bố mẹ bà nay đã nghỉ hưu và giúp đỡ tôi trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Năm 2016, 2017 tôi đã làm thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông T nhưng cũng không có kết quả. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 78/2021/QĐST – DS ngày 31/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã tuyên bố: “ Ông Lê Văn T, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ 11 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội mất tích”.

Vợ chồng ly thân đã lâu, không biết hiện nay ông T còn sống hay đã chết, nên bà Q đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T để bà sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung là Lê Thái D, sinh ngày 23/9/2008; ly hôn bà Q tự nguyện nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Bà Q xác định bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chỗ ở sau khi ly hôn: Tôi tự lo chỗ ở sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Lê Văn Thái:

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 78/2021/QĐST - DS ngày 31/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã tuyên bố: “ Ông Lê Văn T, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ 11 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội mất tích”; Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của bà Vũ Thị H và ông Dương Văn N là bố, mẹ đẻ của bà Q, cũng như chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông T thể hiện: Ông T bỏ đi biệt tích khỏi nhà, từ tháng 11/2017 cho đến nay không ai biết thông tin gì về ông T, không biết hiện nay ông T sinh sống ở đâu, còn sống hay đã chết, nay bà Q xin ly hôn với ông T thì

gia đình bà H và chính quyền địa phương cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bà Vũ Thị H là mẹ đẻ của ông T và Quyết định giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố ông T mất tích thể hiện: Gia đình bà đã mất liên lạc với ông T từ tháng 01/2012 cho đến nay không biết ông T ở đâu, còn sống hay đã chết.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Xuân Q. Bà Q được ly hôn với ông T.

- Giao con chung là: Lê Thái D, sinh ngày 23/9/2008 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác của pháp luật.

- Về tài sản chung: Giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ kiện dân sự khác khi bà Q hoặc ông Lê Văn T mất tích trở về và có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Dương Thị Xuân Q và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đã đăng ký kết hôn ngày 28/9/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại tổ 11, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa bà Dương Thị Xuân Q và ông Lê Văn T là hợp pháp. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngày 31/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã bị tuyên bố ông Lê Văn T mất tích và từ tháng 11/2017 đến nay không có tin tức gì về ông T ở đâu và còn sống hay đã chết, do vậy Toà án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Xuân Q và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 28/9/2007, như vậy hôn nhân giữa bà Dương Thị Xuân Q và ông Lê Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì đến tháng 11/2017 ông T đã bỏ đi biệt tích từ đó cho đến nay không có tin tức gì về ông T ở đâu và còn sống hay đã chết, ngày 31/3/2021 Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã tuyên bố ông T mất

tích. Vì vậy yêu cầu của bà Dương Thị Xuân Q xin được ly hôn với ông Lê Văn T là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ Luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Dương Thị Xuân Q và ông Lê Văn T có 01 con chung là Lê Thái D, sinh ngày 23/9/2008; ly hôn bà Q tự nguyện nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp với đơn nguyện vọng của cháu Lê Thái D và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Lê Văn T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 11/2007 cho đến nay không có tin tức gì về việc ông ở đâu và còn sống hay đã chết, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Lê Văn T cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Xuân Q cam đoan, bà và ông Lê Văn T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ kiện dân sự khác khi bà Q hoặc ông Lê Văn T mất tích trở về và có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Dương Thị Xuân Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị Xuân Q. Bà Dương Thị Xuân Q được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao con chung là: Lê Thái D, sinh ngày 23/9/2008 cho bà Dương Thị Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Lê Văn T cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

3. Về tài sản chung: Giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ kiện dân sự khác khi bà Dương Thị Xuân Q hoặc ông Lê Văn T mất tích trở về và có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Xuân Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, đã nộp, theo biên lai số AA/2020/0045186 ngày 13/5/2021 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện Đông Anh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

- Bà Dương Thị Xuân Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 28/4/2021.

- Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đông Anh
(Đăng ký kết hôn số 149, quyển số 01/2013 ngày 02/12/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phi Hùng